

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định cấp Giấy phép xây dựng công trình
trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban Nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11;

Căn cứ Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04/09/2012 của Chính phủ về cấp Giấy phép xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2012/TT-BXD ngày 20/12/2012 của Bộ Xây dựng “Về việc hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về cấp Giấy phép xây dựng”;

Căn cứ đề nghị của Sở Xây dựng tại văn bản số 513/SXD-HĐXD ngày 26/3/2013, kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 36/BC-STP ngày 14/3/2013.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định cấp Giấy phép xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

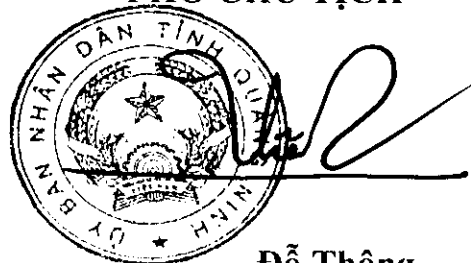
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1848/2010/QĐ-UBND ngày 21/06/2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh “Về việc cấp phép xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc Tỉnh; Các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *✍*

Nơi nhận :

- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Xây dựng (để báo cáo);
- Cục kiểm tra VB - Bộ Tư pháp (để báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để báo cáo);
- CT, các PCT Ủy ban Nhân dân tỉnh;
- Như điều 3;
- Đài PTTH QN, Báo QN;
- Trung tâm thông tin;
- Lưu VT, XD2
- XD2(60); QD40-03

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đỗ Thông

QUY ĐỊNH

Về cấp Giấy phép xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 929 /2013/QĐ-UBND ngày 11 /4/2013
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Quy định này quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp Giấy phép xây dựng công trình; quyền và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác cấp Giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng công trình theo Giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

2. Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài là chủ đầu tư xây dựng công trình; tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác cấp Giấy phép xây dựng và giám sát thực hiện xây dựng theo giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh phải thực hiện theo Quy định này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ:

1. Giấy phép xây dựng: Là văn bản pháp lý do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp cho chủ đầu tư để xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, di dời công trình.

2. Giấy phép xây dựng công trình: Là giấy phép được cấp để xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật.

3. Giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ: Là giấy phép được cấp để xây dựng nhà ở riêng lẻ tại đô thị hoặc nhà ở riêng lẻ tại nông thôn.

4. Giấy phép xây dựng tạm: Là giấy phép được cấp để xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ được sử dụng trong thời hạn nhất định theo thời hạn thực hiện quy hoạch xây dựng.

5. Giấy phép xây dựng theo giai đoạn: Là giấy phép được cấp cho từng phần của công trình hoặc công trình của dự án khi thiết kế xây dựng của cả công trình hoặc của cả dự án chưa được thực hiện xong.

6. Giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo: Là giấy phép được cấp để thực hiện việc sửa chữa, cải tạo công trình đang tồn tại có thay đổi về kiến trúc các mặt đứng, thay đổi kết cấu chịu lực, thay đổi quy mô công trình và công năng sử dụng.

7. Công trình theo tuyến: Là công trình xây dựng kéo dài theo phương ngang, như đường bộ, đường sắt, đường dây tải điện, đường cáp viễn thông, đường ống dẫn dầu, dẫn khí, cấp thoát nước, các công trình khác.

Điều 3. Giấy phép xây dựng:

1. Trước khi khởi công xây dựng nhà ở riêng lẻ hoặc công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng, trừ các trường hợp xây dựng sau đây:

a. Công trình thuộc bí mật nhà nước, công trình theo lệnh khẩn cấp, công trình tạm phục vụ thi công xây dựng công trình chính và các công trình khác theo quy định của Chính phủ được miễn giấy phép xây dựng.

b. Công trình xây dựng theo tuyến không đi qua đô thị nhưng phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

c. Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng được Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư.

d. Công trình sửa chữa, cải tạo, lắp đặt thiết bị bên trong công trình không làm thay đổi kiến trúc các mặt ngoài, kết cấu chịu lực, công năng sử dụng và an toàn của công trình.

e. Công trình hạ tầng kỹ thuật chỉ yêu cầu phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật và nhà ở riêng lẻ tại vùng sâu, vùng xa thuộc khu vực chưa có quy hoạch điểm dân cư nông thôn (quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới) được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Giấy phép xây dựng gồm các loại sau:

a. Xây dựng mới.

b. Sửa chữa, cải tạo.

c. Di dời công trình.

3. Đối với công trình theo tuyến; công trình cấp I, cấp đặc biệt, nếu chủ đầu tư có nhu cầu thì có thể đề nghị để được xem xét cấp Giấy phép xây dựng theo giai đoạn. Đối với công trình không theo tuyến, chỉ được cấp Giấy phép xây dựng tối đa 02 giai đoạn, bao gồm giai đoạn xây dựng phần móng và tầng hầm (nếu có) và giai đoạn xây dựng phần thân công trình.

4. Đối với dự án gồm nhiều công trình, chủ đầu tư có thể đề nghị để được xem xét cấp Giấy phép xây dựng cho một, nhiều hoặc tất cả các công trình thuộc dự án.

Điều 4. Nội dung Giấy phép xây dựng:

Nội dung giấy phép xây dựng quy định tại Điều 4, Nghị định 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ đối với từng loại công trình được thực hiện theo các mẫu của Thông tư số 10/2012/TT-BXD ngày 20/12/2012 của Bộ Xây dựng như sau:

1. Giấy phép xây dựng cấp cho các loại công trình, theo mẫu tại Phụ lục số 1, gồm:

a. Công trình không theo tuyến theo mẫu số 1 (*kèm theo quy định này*).

b. Công trình theo tuyến theo mẫu số 2 (*kèm theo quy định này*).

c. Công trình theo giai đoạn theo mẫu số 3 (*kèm theo quy định này*).

d. Cấp cho các công trình của dự án theo mẫu số 4 (kèm theo quy định này).

2. Giấy phép xây dựng cấp cho nhà ở riêng lẻ, theo mẫu tại Phụ lục số 2, gồm:

a. Nhà ở tại đô thị theo mẫu số 1 (kèm theo quy định này).

b. Nhà ở tại nông thôn theo mẫu số 2 (kèm theo quy định này).

3. Giấy phép xây dựng cấp cho sửa chữa, cải tạo công trình, nhà ở riêng lẻ, theo mẫu tại Phụ lục số 3 (kèm theo quy định này).

4. Giấy phép cấp cho di dời công trình theo mẫu tại Phụ lục số 4 (kèm theo quy định này).

5. Giấy phép xây dựng tạm cấp cho công trình, nhà ở riêng lẻ theo mẫu tại Phụ lục số 5 (kèm theo quy định này).

Chương II **QUY TRÌNH CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

Điều 5. Quy trình xin cấp Giấy phép xây dựng:

1. Khi cấp Giấy phép xây dựng cho chủ đầu tư, cơ quan cấp Giấy phép xây dựng đóng dấu vào các bản vẽ thiết kế kiến trúc, bao gồm: Mặt bằng, các mặt đứng, mặt cắt chủ yếu của công trình; mặt bằng, mặt cắt móng công trình. Các bản vẽ thiết kế kiến trúc được cơ quan cấp Giấy phép xây dựng đóng dấu là bộ phận không tách rời giấy phép xây dựng được cấp.

2. Cơ quan cấp Giấy phép xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép xây dựng; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

3. Cơ quan cấp Giấy phép xây dựng có trách nhiệm theo dõi, trả kết quả hoặc thông báo cho chủ đầu tư về hồ sơ chưa đủ điều kiện để cấp Giấy phép xây dựng.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị được giao thẩm định hồ sơ có trách nhiệm xem xét hồ sơ, kiểm tra thực địa (nếu cần thiết). Khi xem xét hồ sơ, cơ quan cấp Giấy phép xây dựng phải xác định các tài liệu còn thiếu, các tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế để thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo của cơ quan cấp Giấy phép xây dựng thì cơ quan cấp Giấy phép xây dựng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Sau hai lần bổ sung, hồ sơ vẫn không đáp ứng được các điều kiện theo quy định thì cơ quan cấp Giấy phép xây dựng có quyền không xem xét việc cấp Giấy phép và thông báo cho chủ đầu tư biết.

5. Căn cứ quy mô, tính chất, loại công trình và địa điểm xây dựng công trình có trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xây dựng, cơ quan cấp Giấy phép xây dựng có trách nhiệm đối chiếu với các điều kiện quy định tại Điều 8, 9, 10 của quy định này để gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan quản lý Nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến công trình xây dựng.

6. Trong thời gian 10 ngày đối với công trình và nhà ở riêng lẻ đô thị, 07 ngày làm việc với nhà ở riêng lẻ tại nông thôn, kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình. Sau thời hạn trên, nếu không có ý kiến coi như các cơ quan này đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình; cơ quan cấp Giấy phép xây dựng căn cứ các quy định hiện hành và các điều kiện quy định tại quy định này để quyết định việc cấp Giấy phép xây dựng.

7. Thời gian cấp Giấy phép xây dựng:

Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp Giấy phép xây dựng phải xem xét hồ sơ để cấp Giấy phép xây dựng công trình trong thời gian quy định dưới đây:

a) Đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng mới, bao gồm cả giấy phép xây dựng tạm, giấy phép xây dựng điều chỉnh, giấy phép di dời, thời gian không quá 20 ngày làm việc đối với công trình; 15 ngày làm việc đối với nhà ở riêng lẻ tại đô thị; 10 ngày làm việc đối với nhà ở nông thôn;

b) Đối với trường hợp cấp lại hoặc gia hạn giấy phép xây dựng: Không quá 10 ngày làm việc.

Trường hợp đến hạn theo quy định tại Điểm a, b Khoản này, nhưng cần phải xem xét thêm thì cơ quan cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do, đồng thời báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý trực tiếp xem xét và chỉ đạo thực hiện, thời gian xem xét thêm không được quá 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn theo quy định tại Điểm a, b Khoản này.

8. Nhận kết quả, nộp lệ phí:

a. Chủ đầu tư nhận giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế đóng dấu của cơ quan cấp Giấy phép xây dựng hoặc văn bản trả lời (đối với trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy phép xây dựng) tại nơi tiếp nhận hồ sơ, theo thời hạn ghi trong giấy biên nhận.

b. Chủ đầu tư có trách nhiệm nộp lệ phí theo quy định khi nộp hồ sơ.

9. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện để cấp phép trong thời hạn nêu tại Khoản 7 Điều này, cơ quan cấp Giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do cho chủ đầu tư biết. Nếu quá thời hạn ghi trong giấy biên nhận mà cơ quan cấp Giấy phép xây dựng không trả lời thì chủ đầu tư được phép xây dựng công trình theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xây dựng.

Điều 6. Thẩm quyền cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi Giấy phép xây dựng:

1. Ủy ban Nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Xây dựng cấp Giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng: Công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II; công trình tôn giáo, công trình di tích lịch sử - văn hoá, công trình tượng đài, tranh hoành tráng đã được xếp hạng thuộc địa giới hành chính do Tỉnh quản lý; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

2. Ủy ban nhân dân Tỉnh ủy quyền cho Ban quản lý khu kinh tế cấp Giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng cấp III trở xuống, nằm trong các khu công nghiệp trên địa bàn Tỉnh, trừ các công trình thuộc Khoản 1 Điều này.

3. Ủy ban Nhân dân cấp huyện cấp Giấy phép xây dựng các công trình xây dựng và nhà ở riêng lẻ ở đô thị, bao gồm cả nhà ở riêng lẻ trong khu vực đã được Nhà nước công nhận bảo tồn và các công trình còn lại thuộc địa giới hành chính do mình quản lý, trừ các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

5. Ủy ban Nhân dân cấp xã cấp Giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ tại những điểm dân cư nông thôn đã có quy hoạch xây dựng được duyệt thuộc địa giới hành chính do mình quản lý.

6. Công trình do cơ quan nào cấp giấy phép xây dựng thì cơ quan đó điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng do mình cấp.

7. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi hoặc hủy giấy phép xây dựng do cấp dưới cấp không đúng theo quy định, xây dựng sai với giấy phép xây dựng.

Điều 7. Lưu trữ hồ sơ cấp Giấy phép xây dựng:

1. Cơ quan cấp Giấy phép xây dựng có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ cấp Giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

2. Chủ đầu tư, các tổ chức thiết kế, thi công xây dựng có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ thiết kế, bản vẽ hoàn công công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Chương III CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Điều 8. Điều kiện chung để được cấp Giấy phép xây dựng đối với các loại công trình xây dựng và nhà ở riêng lẻ:

Các loại công trình và nhà ở riêng lẻ được cấp Giấy phép xây dựng khi đáp ứng các điều kiện sau:

1. Phù hợp với quy hoạch xây dựng, mục đích sử dụng đất, mục tiêu đầu tư.

2. Tùy thuộc vào quy mô, tính chất, địa điểm xây dựng, công trình được cấp Giấy phép xây dựng phải: Tuân thủ các quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng; đảm bảo an toàn công trình và công trình lân cận và các yêu cầu về: Giới hạn tĩnh không, độ thông thủy, bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi

trường theo quy định của pháp luật, phòng cháy chữa cháy (viết tắt PCCC), hạ tầng kỹ thuật (giao thông, điện, nước, viễn thông), hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa và đảm bảo khoảng cách đến các công trình dễ cháy, nổ, độc hại, các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

Nếu công trình liên quan đến các điều kiện nào quy định tại Điều 8, Điều 9 của quy định này thì gửi hồ sơ để lấy ý kiến của các cơ quan có chức năng quản lý Nhà nước về các lĩnh vực đó; nếu công trình, nhà ở riêng lẻ không liên quan đến các điều kiện nào quy định tại Điều 8, Điều 9 thì không phải lấy ý kiến của các cơ quan này.

3. Hồ sơ thiết kế xây dựng phải được tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định thực hiện; thiết kế phải được thẩm định, phê duyệt theo quy định. Đối với nhà ở riêng lẻ có tổng diện tích sàn nhỏ hơn 250m², dưới 03 tầng và không nằm trong khu vực bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa thì chủ đầu tư được tổ chức thiết kế xây dựng và tự chịu trách nhiệm về an toàn của công trình và các công trình lân cận.

Điều 9. Điều kiện riêng để được cấp Giấy phép xây dựng đối với các loại công trình xây dựng và nhà ở riêng lẻ:

Ngoài việc đáp ứng các điều kiện chung quy định tại Điều 8 của quy định này, công trình xây dựng và nhà ở riêng lẻ để được cấp giấy phép xây dựng còn phải đáp ứng các điều kiện riêng sau đây:

1. Đối với công trình và nhà ở riêng lẻ trong đô thị:

a) Phù hợp với: Quy hoạch chi tiết xây dựng, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết, thì phải phù hợp với Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

c) Công trình xây dựng dân dụng cấp đặc biệt, cấp I trong đô thị phải có thiết kế tầng hầm theo yêu cầu của đồ án quy hoạch đô thị và Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với công trình xây dựng ngoài đô thị:

a) Đối với công trình xây dựng không theo tuyến: Phải phù hợp với vị trí và tổng mặt bằng của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản;

b) Đối với công trình xây dựng theo tuyến: Phải phù hợp với vị trí và phương án tuyến đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.

3. Đối với nhà ở riêng lẻ tại nông thôn:

a) Phù hợp với quy hoạch điểm dân cư nông thôn (quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới) được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

b) Trường hợp khu vực xây dựng chưa có quy hoạch điểm dân cư nông thôn (quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới) được duyệt thì Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm quy định các khu vực khi xây dựng phải có giấy phép xây dựng để làm căn cứ cấp giấy phép xây dựng.

Nhà ở riêng lẻ tại nông thôn nằm ngoài các khu vực quy định tại khoản này thì không phải xin cấp giấy phép xây dựng.

4. Đối với các công trình xây dựng khác:

Tuỳ thuộc vào địa điểm xây dựng, các công trình dưới đây ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 hoặc Khoản 2 Điều này còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đối với công trình tôn giáo phải có văn bản chấp thuận của Ban Tôn giáo cấp có thẩm quyền;

b) Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng, quảng cáo, trưng tu, tôn tạo phải có văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước về văn hoá.

Điều 10. Điều kiện đối với trường hợp cấp Giấy phép xây dựng tạm:

Công trình được cấp Giấy phép xây dựng tạm khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Nằm trong khu vực đã có quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch điểm dân cư nông thôn (quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới) được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố nhưng chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Phù hợp với mục đích sử dụng đất, mục tiêu đầu tư.

3. Đảm bảo an toàn công trình, công trình lân cận và các yêu cầu về: Môi trường, phòng cháy chữa cháy, hạ tầng kỹ thuật (giao thông, điện, nước, viễn thông), hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa và đảm bảo khoảng cách đến các công trình dễ cháy, nổ, độc hại, các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

4. Hồ sơ thiết kế xây dựng đáp ứng tại Khoản 1, Điều 11 và Điều 14 của quy định này.

5. Công trình, nhà ở được cấp Giấy phép xây dựng tạm không được xây dựng tầng hầm, tầng nửa hầm, có số tầng tối đa không quá 1 tầng và chiều cao tối đa không quá 4,2 m (chưa kể chiều cao phần mái); phải phù hợp với kiến trúc, cảnh quan trong khu vực và tuân thủ các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn quy hoạch, xây dựng; nên sử dụng kết cấu đơn giản và vật liệu nhẹ, dễ tháo dỡ.

6. Chủ đầu tư phải có cam kết tự phá dỡ công trình khi thời hạn tồn tại của công trình ghi trong Giấy phép xây dựng tạm hết hạn và không yêu cầu bồi thường đối với phần công trình phát sinh sau khi quy hoạch được công bố. Trường hợp không tự phá dỡ thì bị cưỡng chế phá dỡ và chủ đầu tư phải chịu mọi chi phí cho việc phá dỡ công trình.

Giấy phép xây dựng tạm chỉ cấp cho từng công trình, nhà ở riêng lẻ,

không cấp theo giai đoạn và cho dự án.

7. Thời gian tồn tại đối với công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng tạm: Theo thời gian thực hiện quy hoạch xây dựng, lần đầu cấp tối đa không quá 3 năm. Trong trường hợp công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng tạm hết thời hạn tồn tại, nhưng Nhà nước vẫn chưa thực hiện quy hoạch, nếu chủ đầu tư có nhu cầu thì đề nghị với cơ quan cấp phép xem xét cho phép kéo dài thời hạn tồn tại.

Điều 11. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xây dựng đối với trường hợp xây dựng mới:

Chủ đầu tư nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ cho cơ quan cấp giấy phép xây dựng. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng gồm các loại công trình sau:

1. Đối với công trình không theo tuyến:

a. Đơn đề nghị cấp Giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 06 - mẫu 1 (kèm theo quy định này).

b. Bản sao được công chứng hoặc chứng thực một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

c. Hai bộ bản vẽ thiết kế, mỗi bộ gồm:

- Bản vẽ mặt bằng vị trí công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình.

- Bản vẽ các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình, tỷ lệ 1/50 - 1/200.

- Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50, kèm theo sơ đồ đầu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật về giao thông; cấp nước; thoát nước mưa, nước bẩn; xử lý nước thải; cấp điện; thông tin liên lạc; các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác liên quan đến dự án, tỷ lệ 1/50 - 1/200.

d. Các tài liệu khác của hồ sơ: Theo Điều 18 của quy định này.

2. Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:

a. Đơn đề nghị cấp Giấy phép xây dựng, theo mẫu tại Phụ lục số 06 - mẫu 2 (kèm theo quy định này).

b. Bản sao được công chứng hoặc chứng thực một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

c. Hai bộ bản vẽ thiết kế, mỗi bộ gồm:

- Sơ đồ vị trí, hướng tuyến công trình.

- Bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình tỷ lệ 1/500 - 1/5000.

- Bản vẽ các mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;

- Riêng đối với công trình ngầm phải bổ sung thêm:

+ Bản vẽ các mặt cắt ngang, các mặt cắt dọc thể hiện chiều sâu công trình

tỷ lệ 1/50 - 1/200.

+ Sơ đồ đầu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài công trình.

d. Các tài liệu khác của hồ sơ: Theo Điều 18 của quy định này.

3. Đối với công trình tôn giáo:

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xây dựng gồm các tài liệu như quy định tại khoản 1 Điều này và văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan Tôn giáo theo phân cấp.

4. Đối với công trình tín ngưỡng:

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xây dựng như quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Công trình tượng đài, tranh hoành tráng:

a. Đơn đề nghị cấp Giấy phép xây dựng, theo mẫu tại Phụ lục số 07 (kèm theo quy định này).

b. Bản sao được công chứng hoặc chứng thực một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

c. Bản sao có chứng thực giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý Nhà nước về văn hoá, di tích lịch sử theo phân cấp.

d. Hai bộ bản vẽ thiết kế, mỗi bộ gồm:

- Sơ đồ vị trí công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500.

- Bản vẽ mặt bằng công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500.

- Bản vẽ mặt đứng, mặt cắt chủ yếu công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200.

e. Các tài liệu khác của hồ sơ: Theo Điều 18 của quy định này.

6. Đối với công trình quảng cáo:

a. Đơn đề nghị cấp Giấy phép xây dựng, theo quy định tại Phụ lục số 08 (kèm theo quy định này).

b. Bản sao được công chứng hoặc chứng thực một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp thuê đất hoặc công trình để thực hiện quảng cáo, thì phải có hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng thuê công trình.

c. Bản sao được công chứng hoặc chứng thực giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý Nhà nước về lĩnh vực quảng cáo.

d. Hai bộ bản vẽ thiết kế, mỗi bộ gồm:

- Đối với trường hợp công trình xây dựng mới:

+ Sơ đồ vị trí công trình tỷ lệ 1/50 - 1/500.

+ Bản vẽ mặt bằng công trình tỷ lệ 1/50 - 1/500.

+ Bản vẽ mặt cắt móng và mặt cắt công trình tỷ lệ 1/50.

+ Bản vẽ các mặt đứng chính công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200.

- Đối với trường hợp biển quảng cáo được gắn vào công trình đã được xây dựng hợp pháp:

+ Bản vẽ kết cấu của bộ phận công trình tại vị trí gắn biển quảng cáo, tỷ lệ 1/50.

+ Bản vẽ mặt cắt tại các vị trí liên kết giữa biển quảng cáo với công trình, tỷ lệ 1/50.

+ Bản vẽ các mặt đứng công trình có gắn biển quảng cáo, tỷ lệ 1/50 - 1/100.

e. Các tài liệu khác của hồ sơ: Theo Điều 18 của quy định này.

7. Đối với công trình của các cơ quan ngoại giao và tổ chức quốc tế:

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xây dựng đối với công trình của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế và cơ quan nước ngoài khác đầu tư tại Việt Nam được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này và các điều khoản quy định của Hiệp định hoặc thoả thuận đã được ký kết với Chính phủ Việt Nam.

Điều 12. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xây dựng theo giai đoạn:

1. Đối với công trình không theo tuyến:

a. Đơn đề nghị cấp Giấy phép xây dựng, theo mẫu tại Phụ lục số 10 (kèm theo quy định này).

b. Bản sao được công chứng hoặc chứng thực một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

c. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư.

d. Hai bộ bản vẽ thiết kế, mỗi bộ gồm:

- Giai đoạn 1:

+ Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình.

+ Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50, kèm theo sơ đồ đấu nối với hệ thống thoát nước mưa, xử lý nước thải, cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc tỷ lệ 1/100 - 1/200.

- Giai đoạn 2:

+ Bản vẽ các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình, tỷ lệ 1/50 - 1/200.

e. Các tài liệu khác của hồ sơ: Theo Điều 18 của quy định này.

2. Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:

a. Đơn đề nghị cấp Giấy phép xây dựng, theo mẫu tại Phụ lục số 11 quy định này.

b. Bản sao được công chứng hoặc chứng thực một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc văn bản cho phép

và thoả thuận về hướng tuyến của cấp có thẩm quyền.

c. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư.

d. Hai bộ bản vẽ thiết kế, mỗi bộ gồm:

- Sơ đồ vị trí tuyến công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500.

- Bản vẽ mặt bằng tổng thể của công trình tỷ lệ 1/100 - 1/1000.

- Các bản vẽ theo từng giai đoạn:

+ Bản vẽ các mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình theo giai đoạn, tỷ lệ 1/50 - 1/200.

+ Đối với công trình ngầm yêu cầu phải có bản vẽ các mặt cắt ngang, các mặt cắt dọc thể hiện chiều sâu công trình theo từng giai đoạn, tỷ lệ 1/50 - 1/200.

+ Sơ đồ đầu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo từng giai đoạn, tỷ lệ 1/100 - 1/500.

e. Các tài liệu khác của hồ sơ: Theo Điều 18 của quy định này.

Điều 13. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xây dựng cho dự án:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép xây dựng, theo mẫu tại Phụ lục số 12 (kèm theo quy định này).

2. Bản sao được công chứng hoặc chứng thực một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.

4. Hai bộ bản vẽ thiết kế, mỗi bộ gồm:

a. Bản vẽ tổng mặt bằng của dự án hoặc tổng mặt bằng từng giai đoạn của dự án, tỷ lệ 1/100 - 1/500.

b. Bản vẽ mặt bằng từng công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình.

c. Bản vẽ các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của từng công trình, tỷ lệ 1/50 - 1/200.

d. Bản vẽ mặt bằng móng từng công trình tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng từng công trình tỷ lệ 1/50, kèm theo sơ đồ đầu nối với hệ thống thoát nước mưa, xử lý nước thải, cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc tỷ lệ 1/50 - 1/200.

e. Các tài liệu khác của hồ sơ: Theo Điều 18 của quy định này.

Điều 14. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ:

1. Đối với nhà ở riêng lẻ tại đô thị:

a. Đơn đề nghị cấp Giấy phép xây dựng, theo mẫu tại Phụ lục số 13 (kèm theo quy định này).

b. Bản sao được công chứng hoặc chứng thực một trong những giấy tờ về

quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

c. Hai bộ bản vẽ thiết kế, mỗi bộ gồm:

- Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất tỷ lệ 1/50 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình.

- Bản vẽ mặt bằng các tầng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình, tỷ lệ 1/50 - 1/200.

- Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/50 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50, kèm theo sơ đồ đấu nối hệ thống thoát nước mưa, xử lý nước thải, cấp nước, cấp điện, thông tin tỷ lệ 1/50 - 1/200.

d. Các tài liệu khác của hồ sơ: Theo Điều 18 của quy định này.

2. Đối với nhà ở riêng lẻ tại nông thôn:

a. Đơn đề nghị cấp Giấy phép xây dựng, theo mẫu tại Phụ lục số 14 (kèm theo quy định này).

b. Bản sao được công chứng hoặc chứng thực một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

c. Hai bộ bản vẽ thiết kế, mỗi bộ gồm:

- Sơ đồ mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/50 - 1/500, theo mẫu tại Phụ lục số 15 (kèm theo quy định này).

- Bản vẽ các mặt đứng chính của công trình, tỷ lệ 1/50 - 1/200.

- Bản vẽ sơ đồ đấu nối hệ thống thoát nước mưa, nước thải, cấp nước, cấp điện, thông tin, tỷ lệ 1/50 - 1/200.

d. Các tài liệu khác của hồ sơ: Theo Điều 18 của quy định này.

3. Đối với công trình xây chen có tầng hầm, ngoài các tài liệu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, hồ sơ còn phải bổ sung văn bản phê duyệt biện pháp thi công móng của chủ đầu tư đảm bảo an toàn cho công trình và công trình lân cận.

Điều 15. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xây dựng đối với trường hợp sửa chữa, cải tạo:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình, nhà ở, theo mẫu tại Phụ lục số 16 (kèm theo quy định này).

2. Bản sao được công chứng hoặc chứng thực một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Các bản vẽ hiện trạng của bộ phận, hạng mục công trình được cải tạo có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ các bản vẽ của hồ sơ đề nghị cấp phép sửa chữa, cải tạo và ảnh chụp (10x15 cm) hiện trạng công trình và công trình lân cận trước khi sửa chữa, cải tạo.

4. Đối với các công trình di tích lịch sử, văn hoá và danh lam, thắng cảnh đã được xếp hạng, thì phải có văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo phân cấp.

5. Các tài liệu khác của hồ sơ: Theo Điều 18 của quy định này.

Điều 16. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép di dời công trình:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép di dời công trình theo mẫu tại Phụ lục số 20 (kèm theo quy định này).

2. Bản sao có chứng thực giấy tờ về quyền sử dụng đất nơi công trình đang tồn tại và nơi công trình sẽ di dời tới và Giấy tờ hợp pháp về sở hữu công trình.

3. Bản vẽ hoàn công công trình (nếu có) hoặc bản vẽ thiết kế thực trạng công trình được di dời bao gồm mặt bằng, mặt cắt móng và bản vẽ kết cấu chịu lực chính, tỷ lệ 1/50 - 1/200.

4. Bản vẽ tổng mặt bằng, nơi công trình sẽ được di dời tới, tỷ lệ 1/50 - 1/500.

5. Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200, mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 tại địa điểm công trình sẽ di dời tới.

6. Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình.

7. Phương án di dời gồm:

a. Phần thuyết minh: Nêu được hiện trạng công trình và hiện trạng khu vực công trình sẽ được di dời tới; các giải pháp di dời, phương án bố trí sử dụng xe máy, thiết bị, nhân lực; các giải pháp bảo đảm an toàn cho công trình, người, máy móc, thiết bị và các công trình lân cận; bảo đảm vệ sinh môi trường; tiền độ di dời. Phương án di dời phải do đơn vị, cá nhân có điều kiện năng lực thực hiện.

b. Phần bản vẽ biện pháp thi công di dời.

8. Các tài liệu khác của hồ sơ: Theo Điều 18 của quy định này.

Điều 17. Giấy phép xây dựng tạm:

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xây dựng công trình tạm như quy định đối với từng loại công trình, nhà ở riêng lẻ quy định tại khoản 1 Điều 11, Điều 14, Điều 15 quy định này. Riêng tiêu đề của đơn được đổi thành “Đơn đề nghị cấp Giấy phép xây dựng tạm” và có cam kết tự phá dỡ công trình khi thời hạn tồn tại của công trình ghi trong giấy phép xây dựng tạm hết hạn và không yêu cầu bồi thường đối với phần công trình phát sinh sau khi quy hoạch được công bố.

2. Trường hợp công trình theo giấy phép xây dựng tạm hết thời hạn tồn tại, nhưng Nhà nước vẫn chưa thực hiện quy hoạch, nếu chủ đầu tư có nhu cầu thì đề nghị với cơ quan cấp phép xem xét cho phép kéo dài thời hạn tồn tại.

3 Công trình, nhà ở xây dựng theo giấy phép xây dựng tạm chỉ được tồn tại cho đến khi Nhà nước giải phóng mặt bằng để thực hiện quy hoạch xây dựng. Sau khi có quyết định thu hồi đất, chủ đầu tư phải tự phá dỡ công trình, nếu không tự phá dỡ thì bị cưỡng chế phá dỡ và chủ đầu tư phải chịu mọi chi phí cho việc phá dỡ công trình. Việc bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện quy hoạch áp dụng theo quy định hiện hành; riêng phần xây dựng theo giấy phép xây dựng tạm thì không được bồi thường.

4. Các tài liệu khác của hồ sơ: Theo Điều 18 của quy định này.

Điều 18. Các tài liệu khác của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xây dựng:

Ngoài các tài liệu quy định đối với mỗi loại công trình, nhà ở riêng lẻ nêu tại các Điều 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 tùy thuộc địa điểm xây dựng công trình, quy mô công trình, tính chất công trình, đối chiếu với các quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng; quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành và các quy định của pháp luật liên quan, hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng còn phải bổ sung các tài liệu sau:

1. Bản vẽ hệ thống phòng cháy chống cháy (PCCC) tỷ lệ 1/50 - 1/200, được đóng dấu thẩm duyệt đối với công trình thuộc danh mục yêu cầu phải thẩm duyệt phương án phòng cháy chống cháy theo quy định của pháp luật về PCCC.

2. Báo cáo kết quả thẩm định và văn bản phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của chủ đầu tư theo quy định; Báo cáo thẩm tra thiết kế do cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng hoặc tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực theo quy định thực hiện, kèm theo các bản vẽ kết cấu chịu lực chính có ký tên, đóng dấu của tổ chức, cá nhân thiết kế. Đối với nhà ở riêng lẻ không bắt buộc phải có báo cáo thẩm định, phê duyệt thiết kế; nhưng nếu quy mô từ 3 tầng trở lên hoặc có tổng diện tích sàn xây dựng từ 250 m² trở lên thì phải do tổ chức tư vấn hoặc cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định thiết kế và phải chịu trách nhiệm về chất lượng thiết kế. Cơ quan cấp phép xây dựng chỉ kiểm tra tính hợp lệ của các bản vẽ kết cấu chịu lực. Tổ chức, cá nhân thiết kế và thẩm tra thiết kế (nếu có) phải chịu trách nhiệm về kết quả thiết kế do mình thực hiện.

Đối với nhà ở riêng lẻ dưới 3 tầng hoặc có tổng diện tích sàn xây dựng nhỏ hơn 250 m², hộ gia đình có thể tự tổ chức thiết kế và chịu trách nhiệm về an toàn của công trình và các công trình lân cận.

3. Quyết định phê duyệt dự án kèm theo văn bản chấp thuận đầu tư của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, văn bản tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở (nếu có) của cơ quan quản lý Nhà nước về công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định.

4. Văn bản phê duyệt biện pháp thi công của chủ đầu tư đảm bảo an toàn cho công trình và công trình lân cận, đối với công trình xây chen có tầng hầm.

5. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức thiết kế, cá nhân là chủ nhiệm, chủ trì thiết kế theo Phụ lục số 09 (*kèm theo quy định này*), kèm theo bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm, chủ trì thiết kế.

6. Các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất được xem xét cấp giấy phép xây dựng: Trong thời gian chờ hướng dẫn cụ thể của Liên bộ Tài nguyên & Môi trường và Xây dựng; các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất được xem xét cấp giấy phép xây dựng theo công văn số 492/TNMT-ĐKĐĐ ngày 28/02/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường (*kèm theo Quy định này*).

Điều 19. Điều chỉnh Giấy phép xây dựng:

1. Đối với công trình và công trình tạm:

a. Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng, theo mẫu tại Phụ lục số 17 (*kèm theo quy định này*).

b. Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp.

c. Các bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt bộ phận, hạng mục công trình đề nghị điều chỉnh, tỷ lệ 1/50 -1/200.

d. Báo cáo kết quả thẩm định và văn bản phê duyệt thiết kế điều chỉnh của chủ đầu tư, trong đó có nội dung đảm bảo an toàn chịu lực; an toàn phòng chống cháy; bảo đảm môi trường. Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế (nếu có) do tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực theo quy định thực hiện.

e. Đối với công trình đã khởi công xây dựng, phải được cơ quan có thẩm quyền về quản lý xây dựng xác nhận bằng văn bản việc chủ đầu tư xây dựng đúng theo giấy phép xây dựng tại thời điểm xin điều chỉnh giấy phép xây dựng.

2. Đối với nhà ở riêng lẻ:

a. Nhà ở riêng lẻ tại đô thị:

- Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng, theo mẫu tại Phụ lục số 18 (kèm theo quy định này).

- Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp.

- Các bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt bộ phận, hạng mục công trình đề nghị điều chỉnh, tỷ lệ 1/50 -1/200.

b. Đối với nhà ở riêng lẻ tại nông thôn:

- Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng, theo mẫu tại Phụ lục số 19 (kèm theo quy định này).

- Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp.

- Sơ đồ mặt bằng xây dựng điều chỉnh theo mẫu tại Phụ lục số 15 (kèm theo quy định này).

3. Nội dung giấy phép xây dựng điều chỉnh được ghi trực tiếp vào giấy phép xây dựng đã cấp hoặc ghi thành Phụ lục riêng và là bộ phận không tách rời với giấy phép xây dựng đã được cấp.

4. Trường hợp xây dựng sai với giấy phép xây dựng được cấp thì phải bị xử lý vi phạm theo quy định hiện hành, trước khi đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng.

Điều 20. Gia hạn Giấy phép xây dựng:

1. Trong thời hạn 30 ngày, trước thời điểm giấy phép xây dựng hết hạn, nếu công trình chưa được khởi công, thì chủ đầu tư phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng. Mỗi giấy phép xây dựng chỉ được gia hạn 01 lần. Thời gian gia hạn tối đa không quá 06 tháng. Nếu hết thời gian gia hạn, chủ đầu tư chưa khởi công xây dựng thì phải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xây dựng mới.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng gồm:

a. Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng, trong đó giải trình rõ lý do chưa khởi công xây dựng.

b. Bản chính giấy phép xây dựng được cấp.

3. Đối với công trình được cấp Giấy phép xây dựng tạm đã hết thời hạn tồn tại ghi trong giấy phép, nhưng Nhà nước chưa thực hiện quy hoạch thì chủ đầu tư được đề nghị cơ quan cấp Giấy phép xây dựng gia hạn thời gian tồn tại cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch. Thời hạn tồn tại được ghi ngay vào giấy phép xây dựng tạm đã được cấp.

Điều 21. Cấp lại Giấy phép xây dựng:

1. Giấy phép xây dựng được cấp lại đối với các trường hợp bị rách, nát, hoặc bị mất.
2. Giấy phép xây dựng được cấp lại dưới hình thức là bản sao.
3. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng gồm:
 - a. Đơn đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng, trong đó giải trình rõ lý do đề nghị cấp lại.
 - b. Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp (đối với trường hợp bị rách, nát).
4. Cơ quan cấp Giấy phép xây dựng là cơ quan cấp lại bản chính giấy phép xây dựng.

Chương IV

QUẢN LÝ TRẬT TỰ XÂY DỰNG THEO GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Điều 22. Quản lý trật tự xây dựng:

Nội dung của giấy phép xây dựng là căn cứ để quản lý trật tự xây dựng, gồm:

1. Đối với công trình được cấp Giấy phép xây dựng:

Việc quản lý trật tự xây dựng được căn cứ vào các nội dung được ghi trong giấy phép xây dựng đã được cấp và các quy định của quy định này.
2. Đối với công trình được miễn Giấy phép xây dựng:
 - a. Việc quản lý trật tự xây dựng căn cứ vào quy hoạch xây dựng được duyệt và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Trường hợp xây dựng trong đô thị thì còn phải căn cứ vào thiết kế đô thị được duyệt.
 - b. Nội dung quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình được miễn giấy phép xây dựng là xem xét sự tuân thủ quy hoạch xây dựng, thiết kế đô thị (nếu có) được duyệt, đáp ứng các quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng; đảm bảo an toàn công trình và công trình lân cận; giới hạn tĩnh không; độ thông thủy; các điều kiện an toàn về môi trường, PCCC, hạ tầng kỹ thuật (như giao thông, điện, nước, thông tin), hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa đảm bảo khoảng cách đến các công trình dễ cháy, nổ, độc hại.
3. Ủy ban nhân dân Tỉnh giao Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành

phổ chịu trách nhiệm chính trong việc quản lý đô thị, quản lý trật tự xây dựng thuộc địa giới hành chính do mình quản lý.

Điều 23. Thanh tra, kiểm tra:

1. Thanh tra chuyên ngành xây dựng thuộc Sở Xây dựng và Thanh tra Xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm lập kế hoạch và triển khai thanh tra, kiểm tra việc thực hiện trật tự đô thị, trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định của quy định này và xử lý vi phạm hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định hiện hành.

2. Đối với công trình bí mật nhà nước, việc thanh tra, kiểm tra được thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng công trình đặc thù.

Điều 24. Xử lý vi phạm:

1. Việc xử lý vi phạm đối với công trình xây dựng không có giấy phép xây dựng, xây dựng sai với giấy phép được cấp, xây dựng không đúng với quy hoạch xây dựng và không đúng với các quy định khác của pháp luật được thực hiện theo quy định của Chính phủ về xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị và về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng.

2. Thu hồi giấy phép xây dựng:

Các trường hợp bị thu hồi giấy phép xây dựng đã cấp:

- a. Giấy phép xây dựng được cấp không đúng theo quy định hiện hành;
- b. Sau 6 tháng kể từ ngày được gia hạn giấy phép xây dựng mà chủ đầu tư vẫn chưa khởi công xây dựng công trình;
- c. Quá thời hạn ghi trong văn bản xử lý vi phạm, đối với trường hợp xây dựng sai với giấy phép xây dựng được cấp mà chủ đầu tư vẫn chưa khắc phục các vi phạm theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Hủy giấy phép xây dựng:

Sau 10 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định thu hồi giấy phép xây dựng của cấp có thẩm quyền đối với các trường hợp nêu tại Khoản 2 Điều này, nếu chủ đầu tư không nộp lại giấy phép xây dựng cho cơ quan cấp phép thì cơ quan cấp phép hoặc cơ quan có thẩm quyền có quyết định công bố hủy giấy phép xây dựng, đồng thời thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã và đăng trên mạng thông tin của Sở Xây dựng.

Chương V

**QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA
CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

Điều 25. Quyền hạn và trách nhiệm của chủ đầu tư:

1. Quyền hạn:

- a. Sau thời hạn ghi trong giấy biên nhận hẹn trả kết quả mà cơ quan cấp Giấy phép xây dựng không cấp hoặc không có văn bản trả lời thì chủ đầu tư

được khởi công xây dựng theo hồ sơ thiết kế đã nộp cho cơ quan cấp Giấy phép xây dựng, khi đã đáp ứng các điều kiện khởi công quy định tại Điều 72 Luật Xây dựng và các quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này.

b. Khiếu nại, tố cáo cơ quan, cá nhân không thực hiện đúng quy định hoặc có hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn trong công tác cấp Giấy phép xây dựng.

2. Trách nhiệm:

a. Trước khi khởi công xây dựng 07 ngày làm việc, chủ đầu tư công trình phải gửi bằng văn bản thông báo ngày khởi công cho cơ quan cấp Giấy phép xây dựng, đồng thời gửi thông báo ngày khởi công kèm theo giấy phép xây dựng cho Ủy ban Nhân dân cấp xã nơi xây dựng công trình biết để theo dõi thực hiện. Đối với công trình được miễn giấy phép xây dựng thì chủ đầu tư phải gửi bản sao các bản vẽ thiết kế, gồm: Mặt bằng, các mặt đứng, mặt cắt chính công trình; mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ đấu nối đường giao thông, thoát nước với hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào công trình.

b. Phê duyệt biện pháp thi công đảm bảo an toàn cho công trình xây dựng và công trình lân cận; đồng thời gửi văn bản phê duyệt cho Ủy ban Nhân dân cấp xã trước khi khởi công xây dựng công trình.

c. Tổ chức triển khai thực hiện xây dựng công trình theo giấy phép xây dựng đã được cấp. Khi có sự điều chỉnh thay đổi thiết kế phải được sự chấp thuận của cơ quan cấp Giấy phép xây dựng trước khi thi công xây dựng công trình.

d. Bảo đảm an toàn, vệ sinh, môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình.

e. Bồi thường mọi thiệt hại do lỗi mình gây ra.

Điều 26. Trách nhiệm của Sở Xây dựng; Ban Quản lý khu kinh tế và cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng cấp huyện:

1. Cung cấp thông tin về quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị (nếu có) đã được phê duyệt, cấp giấy phép quy hoạch khi chủ đầu tư yêu cầu.

2. Hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện các công việc cần thiết đối với công trình đầu tư xây dựng ở khu vực chưa có quy hoạch xây dựng được duyệt.

3. Trả lời bằng văn bản về kiến trúc, quy hoạch thuộc quyền quản lý đối với các công trình, khi có văn bản hỏi ý kiến cơ quan cấp Giấy phép xây dựng trong thời gian quy định tại Khoản 6, Điều 5 của quy định này.

4. Kiểm tra và kiến nghị với cơ quan cấp Giấy phép xây dựng không cấp phép với các công trình được thiết kế không theo quy hoạch, kiến trúc được phê duyệt hoặc kiến nghị xử lý các trường hợp xây dựng vi phạm quy hoạch xây dựng.

Điều 27. Trách nhiệm của cơ quan cấp Giấy phép xây dựng:

1. Cử cán bộ, công chức có năng lực, chuyên môn phù hợp để tiếp nhận hồ sơ, hướng dẫn cho chủ đầu tư lập hồ sơ và thụ lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xây dựng công trình đảm bảo đúng các quy định.

2. Niêm yết công khai các điều kiện, thủ tục hành chính, quy trình, thời gian cấp Giấy phép xây dựng tại nơi tiếp nhận hồ sơ.

3. Có lịch tiếp dân và giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác cấp giấy phép xây dựng.

4. Thực hiện các quy định trong quá trình xem xét cấp Giấy phép xây dựng và chịu trách nhiệm về những nội dung của giấy phép xây dựng đã cấp; bồi thường thiệt hại do việc cấp phép chậm, cấp phép sai so với quy định.

5. Thu, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép xây dựng theo đúng quy định.

6. Không được chỉ định tổ chức, cá nhân thiết kế hoặc thành lập các đơn vị thiết kế trực thuộc để thực hiện thiết kế cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép xây dựng.

Điều 28. Trách nhiệm của cơ quan có liên quan:

1. Các cơ quan liên quan trong quá trình cấp Giấy phép xây dựng có trách nhiệm:

a. Có văn bản trả lời cho cơ quan cấp phép xây dựng về nội dung thuộc phạm vi quản lý của mình trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc đối với công trình và nhà ở riêng lẻ ở đô thị; 07 ngày làm việc đối với nhà ở riêng lẻ ở nông thôn kể từ khi nhận được văn bản hỏi ý kiến. Nếu quá thời hạn quy định mà không trả lời thì được coi là đồng ý và phải chịu trách nhiệm về nội dung quản lý của mình.

b. Ngừng cung cấp theo thẩm quyền các dịch vụ điện, nước, các hoạt động kinh doanh và các dịch vụ khác đối với công trình xây dựng vi phạm, khi nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm.

c. Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

2. Quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân có quyền và lợi ích liên quan đến công trình xây dựng được thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự.

Điều 29. Trách nhiệm của tổ chức tư vấn xây dựng và thi công xây dựng:

1. Đối với đơn vị tư vấn thiết kế:

a. Giám sát tác giả thực hiện theo thiết kế đã được cấp Giấy phép xây dựng.

b. Chịu sự kiểm tra, bị xử lý vi phạm và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

2. Đối với tư vấn giám sát thi công xây dựng:

a. Giám sát thực hiện theo đúng thiết kế và nội dung giấy phép xây dựng đã được cấp đối với trường hợp theo yêu cầu phải có giấy phép xây dựng.

b. Giám sát thực hiện theo đúng thiết kế đã được phê duyệt đối với trường hợp được miễn giấy phép xây dựng.

c. Báo cáo cơ quan có trách nhiệm khi chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng sai với thiết kế và nội dung giấy phép xây dựng được cấp.

d. Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

3. Đối với nhà thầu thi công xây dựng:

a. Thi công theo đúng thiết kế và nội dung của giấy phép xây dựng.

b. Từ chối thực hiện khi công trình không có giấy phép xây dựng đối với công trình theo quy định phải có giấy phép, hoặc khi chủ đầu tư yêu cầu xây dựng sai với thiết kế và nội dung giấy phép được cấp.

c. Thông báo cho cơ quan có trách nhiệm khi chủ đầu tư yêu cầu xây dựng không đúng với thiết kế, nội dung giấy phép được cấp.

d. Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Đối với Ủy ban Nhân dân tỉnh:

1. Chỉ đạo Sở Xây dựng tổ chức tập huấn, hướng dẫn thực hiện theo Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04/09/2012 của Chính phủ về cấp Giấy phép xây dựng.

2. Chỉ đạo và yêu cầu cơ quan cấp phép xem xét xử lý cán bộ, công chức có biểu hiện tiêu cực, gây chậm trễ trong cấp phép xây dựng.

3. Chỉ đạo Sở Xây dựng báo cáo định kỳ sáu tháng, một năm cho Bộ Xây dựng về tình hình cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn.

4. Quyết định thu hồi hoặc huỷ giấy phép xây dựng thuộc thẩm quyền đối với các trường hợp: Do cấp dưới cấp không đúng theo quy định; xây dựng sai với giấy phép xây dựng.

Điều 31. Đối với Sở Xây dựng:

1. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn thực hiện theo Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04/09/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng và các quy định có liên quan và kiểm tra định kỳ, đột xuất việc thực hiện quy định cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức cấp giấy phép xây dựng công trình do Ủy ban Nhân dân tỉnh ủy quyền; kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm theo Điều 22, 23, 24 của Quy định này.

3. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng định kỳ sáu tháng, một năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về công tác cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Điều 32. Đối với Ban Quản lý khu kinh tế:

1. Tổ chức cấp giấy phép xây dựng công trình do Ủy ban Nhân dân tỉnh ủy quyền; kiểm tra và xử lý vi phạm theo Điều 22, 23, 24 của Quy định này.

2. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban Nhân dân tỉnh kiểm tra điều kiện khởi công xây dựng công trình và quản lý, xây dựng công trình theo giấy phép xây dựng được cấp đối với các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Báo cáo định kỳ 6 tháng, năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về công tác cấp Giấy phép xây dựng trên địa bàn về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

Điều 33. Đối với Ủy ban Nhân dân cấp huyện:

1. Rà soát quy hoạch chi tiết xây dựng, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, thiết kế đô thị thuộc địa bàn quản lý.

- Tổ chức lập, trình thẩm định, phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, thiết kế đô thị tại các khu vực chưa có quy hoạch chi tiết.

Đối với các khu vực, tuyến phố trong đô thị cơ bản đã ổn định chức năng sử dụng các lô đất (không phải lập đồ án quy hoạch đô thị) nhưng phải lập đồ án thiết kế đô thị riêng để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để làm cơ sở cấp Giấy phép xây dựng.

Ủy ban Nhân dân cấp huyện căn cứ vào tính chất, chức năng và yêu cầu quản lý kiến trúc, cảnh quan đô thị quy định cụ thể các khu vực, tuyến phố trong đô thị phải lập đồ án thiết kế đô thị, đặc biệt đối với các tuyến phố có lộ giới từ 12 m trở lên và giao nhiệm vụ cho các phòng, ban chức năng tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt đồ án thiết kế đô thị theo quy định hiện hành.

Những khu vực, tuyến phố khác không thuộc danh mục yêu cầu phải lập đồ án thiết kế đô thị Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc để làm căn cứ cấp Giấy phép xây dựng.

- Xác định vùng quy hoạch chưa có điều kiện triển khai thực hiện để làm cơ sở cho việc cấp Giấy phép xây dựng tạm.

- Thời gian phê duyệt xong Quy hoạch chi tiết xây dựng, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, thiết kế đô thị tại các khu vực chưa có quy hoạch chi tiết và xác định vùng quy hoạch chưa có điều kiện triển khai thực hiện để làm cơ sở cho việc cấp Giấy phép xây dựng tạm trước ngày 01/07/2013.

2. Tổ chức thực hiện cấp Giấy phép xây dựng theo thẩm quyền trên địa bàn quản lý; kiểm tra và xử lý vi phạm theo Điều 22, 23, 24 của Quy định này.

3. Tổ chức, chỉ đạo các phòng chức năng, Ủy ban Nhân dân cấp xã phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thực hiện các quy định của Nhà nước về cấp phép xây dựng; quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban Nhân dân tỉnh kiểm tra điều kiện khởi công xây dựng công trình và quản lý, xây dựng công trình theo giấy phép xây dựng được cấp trên địa bàn quản lý.

4. Báo cáo định kỳ 6 tháng, năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về công tác cấp Giấy phép xây dựng trên địa bàn về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

Điều 34. Đối với Ủy ban Nhân dân cấp xã:

1. Bố trí cán bộ tiếp nhận thông báo khởi công; giấy phép xây dựng và bản vẽ thiết kế kèm theo Giấy phép xây dựng hoặc hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công các công trình được miễn giấy phép xây dựng xác nhận “đã tiếp nhận thông báo khởi công”. Lập hồ sơ trích ngang các công trình xây dựng trên địa bàn để theo dõi, quản lý.

2. Tổ chức phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thực hiện các quy định của Nhà nước về quản lý và cấp Giấy phép xây dựng.

a) Niêm yết công khai điều kiện, trình tự và các thủ tục cấp Giấy phép xây dựng tại trụ sở cơ quan, đồng thời thường xuyên phổ biến nội dung Quy định này và các quy định của Pháp luật liên quan đến công tác cấp Giấy phép xây dựng trên các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Trong trường hợp hộ gia đình, cá nhân không có các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định hiện hành thì Ủy ban Nhân dân cấp xã xác nhận hiện trạng sử dụng đất của chủ sở hữu.

3. Quản lý, theo dõi, kiểm tra phát hiện kịp thời, lập biên bản đình chỉ xây dựng và ra quyết định thực hiện xử lý các hành vi vi phạm trật tự xây dựng theo thẩm quyền. Thông báo ngay cho cơ quan cấp phép xây dựng, Ủy ban Nhân dân cấp huyện để phối hợp xử lý khi phát hiện xây dựng sai với giấy phép xây dựng được cấp. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban Nhân dân cấp huyện kiểm tra điều kiện khởi công xây dựng công trình và quản lý, xây dựng công trình theo giấy phép xây dựng được cấp trên địa bàn quản lý.

4. Riêng đối với Ủy ban Nhân dân các xã: Thực hiện cấp Giấy phép xây dựng theo thẩm quyền trên địa bàn quản lý; kiểm tra và xử lý vi phạm theo Điều 22, 23, 24 của Quy định này.

Điều 35. Xử lý chuyển tiếp:

1. Những công trình theo quy định trước khi quy định này có hiệu lực thuộc đối tượng không phải có giấy phép xây dựng, nhưng theo quy định của Nghị định 64/CP thuộc đối tượng phải có giấy phép, nếu đã khởi công xây dựng trước khi Nghị định 64/CP có hiệu lực thì không phải đề nghị cấp giấy phép xây dựng; nhưng nếu chưa khởi công xây dựng thì phải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xây dựng theo quy định của Nghị định 64/CP và hướng dẫn tại quy định này để được xem xét cấp giấy phép xây dựng, trước khi khởi công xây dựng.

2. Việc điều chỉnh Giấy phép xây dựng đối với các công trình đã được xây dựng trước ngày Nghị định 64/CP có hiệu lực được thực hiện theo quy định của Nghị định 64/CP và hướng dẫn tại quy định này.

3. Đối với các khu vực, tuyến phố trong đô thị đã cơ bản ổn định chức năng sử dụng các lô đất, nếu chưa có quy hoạch chi tiết hoặc thiết kế đô thị được

duyet thì có thể căn cứ các quy định trước thời điểm Nghị định 64/CP có hiệu lực để xem xét cấp Giấy phép xây dựng. Kể từ ngày 01/7/2013, việc cấp Giấy phép xây dựng phải căn cứ vào các điều kiện quy định tại Nghị định 64/CP và hướng dẫn tại quy định này.

4. Những công trình thuộc đối tượng theo quy định của Điều 121 Luật Xây dựng được thực hiện theo Quyết định số 39/2005/QĐ-TTg ngày 28/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc hướng dẫn thực hiện Điều 121 Luật Xây dựng.

Điều 36. Điều khoản thi hành:

Quy định này thay thế cho Quyết định số 1848/2010/QĐ-UBND ngày 21/06/2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh “Về việc cấp phép xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh” và các quy định khác về giấy phép xây dựng của Ủy ban Nhân dân tỉnh và Ủy ban Nhân dân cấp huyện trái với quy định này. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, yêu cầu các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban Nhân dân các cấp có trách nhiệm tổng hợp ý kiến; đề xuất hướng giải quyết gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./. **76**

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Thông